**PHỤ LỤC**

**NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

*(Phụ lục đính kèm yêu cầu báo giá ngày 29 tháng 4 năm 2025)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG CÔNG VIỆC** | **ĐƠN VỊ TÍNH** | **SỐ LƯỢNG** | **ĐƠN GIÁ** | **THÀNH TIỀN** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Hậu Giang. | Gói | 01 |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |
| **Số tiền bằng chữ:**  |

Thời hạn của báo giá: ……ngày

***Ghi chú: Giá trên bao gồm thuế VAT và các loại thuế phí khác***

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC CHI TIẾT NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

*(Phụ lục đính kèm yêu cầu báo giá ngày 29 tháng 4 năm 2025)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG CÔNG VIỆC** | **ĐƠN VỊ TÍNH** | **SỐ LƯỢNG** | **ĐƠN GIÁ****(đồng)** | **THÀNH TIỀN****(đồng)** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **A** | **CHI PHÍ LẬP BÁO CÁO (A=I+II+III+……+VII)** |  |
| **I** | **CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ (I=1+2+3+4+5)** |  |
| 1 | Thông tin chung về Chủ cơ sở: Tên Chủ cơ sở; Địa chỉ văn phòng; Thông tin liên hệ; Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh,… | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 2 | Thông tin chung của Cơ sở: Tên cơ sở; Địa điểm cơ sở; Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có); Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các giấy phép môi trường thành phần; Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí như dự án quy định tại Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Phân nhóm dự án đầu tư: (ghi rõ là nhóm I, nhóm II hoặc nhóm III) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 3 | Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 4 | Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 5 | Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở (nếu có) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| **II** | **CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG (II=1+2)** |  |
| 1 | Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 2 | Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| **III** | **CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ (III=1+2+3+…+8)** |  |
| 1 | Mô tả Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải: |  |
| - | Thu gom, thoát nước mưa |  |
| + | Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa | Chuyên đề | 1 |  |  |
| + | Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác  | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Thu gom, thoát nước thải |  |
| + | Công trình thu gom nước thải: Mô tả chi tiết từng thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải y tế từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải | Chuyên đề | 1 |  |  |
| + | Công trình thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải | Chuyên đề | 1 |  |  |
| + | Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đấu nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải | Chuyên đề | 1 |  |  |
| + | Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên | Chuyên đề | 1 |  |  |
| + | Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Xử lý nước thải |  |
| + | Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của từng công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| + | Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải về Sở Nông nghiệp và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát | Chuyên đề | 1 |  |  |
| + | Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 2 | Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải  |  |
| - | Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng công trình thu gom khí thải từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý khí thải | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý bụi, khí thải cho công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của Cơ sở); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục khí thải về Sở Nông nghiệp và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 3 | Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường |  |
| - | Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên Cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Báo cáo về chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,…) phát sinh tại cơ sở | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 4 | Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại |  |
| - | Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường  | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh trong khuôn viên Cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Báo cáo về chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế phát sinh tại cơ sở (kg/năm và kg/tháng) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 5 | Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung  |  |
| - | Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của Cơ sở | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của Cơ sở | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 6 | Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường  |  |
| - | Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 7 | Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với Cơ sở | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 8 | Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: |  |
| - | Nêu rõ các nội dung thay đổi của Cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động động môi trường | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Đánh giá tác động đến môi trường từ việc thay đổi nội dung so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường | Chuyên đề | 1 |  |  |
| **IV** | **CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IV=1+2+3)** |  |
| 1 | Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có): |  |
| - | Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải phải xử lý (sinh hoạt, y tế) và nguồn phát sinh nước thải không phải xử lý: Nguồn số 01, Nguồn số 02,… | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường (nguồn tiếp nhận nước thải)) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của Cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi Cơ sở | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 2 | Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có) |  |
| - | Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh bụi, khí thải phải xử lý và nguồn phát sinh bụi, khí thải không phải xử lý: Nguồn số 01, Nguồn số 02,… | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của Cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 3 | Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có): |  |
| - | Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường | Chuyên đề | 1 |  |  |
| **V** | **CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ (V=1+2+3+…+7)** |  |
| 1 | Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường: Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện; Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường (kèm theo các văn bản báo cáo trong Phụ lục) của Chủ cơ sở đã gửi cơ quan thẩm quyền | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 2 | Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải: Trên cơ sở báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, chủ cơ sở tổng hợp tóm tắt các thông tin về kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề xuất (Tổng hợp thông tin của từng năm về tổng lưu lượng nước thải phát sinh; Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ; Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, nguyên nhân, biện pháp rà soát, khắc phục; Các thời điểm thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị; Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 3 | Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải: Trên cơ sở báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, chủ cơ sở tổng hợp tóm tắt các thông tin về kết quả hoạt động của công trình xử lý khí thải trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề xuất (Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc khí thải định kỳ; Các sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, nguyên nhân, biện pháp rà soát, khắc phục; Các thời điểm thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị; Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý bụi, khí thải) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 4 | Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 5 | Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất) | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 6 | Tình hình phát sinh, xử lý chất thải: Tổng hợp, thống kê khối lượng từng loại chất thải phát sinh, tự xử lý, chuyển giao từng năm | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 7 | Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở: Nêu rõ các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo và đính kèm các quyết định, kết luận kiểm tra, thanh tra (nếu có). Trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường thì nêu rõ việc khắc phục vi phạm | Chuyên đề | 1 |  |  |
| **VI** | **CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ (VI=1+2)** |  |
| 1 | Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở: |  |
| - | Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của Cơ sở, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả Cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải: |  |
| + | Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý | Chuyên đề | 1 |  |  |
| + | Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn). Trường hợp công trình, thiết bị xử lý hợp khối hoặc công trình xử lý chất thải quy mô nhỏ chỉ thực hiện lấy mẫu đơn để quan trắc; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định | Chuyên đề | 1 |  |  |
| + | Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch | Chuyên đề | 1 |  |  |
| 2 | Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật |  |
| - | Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: |  |
| + | Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng | Chuyên đề | 1 |  |  |
| + | Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ cơ sở | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - | Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm | Chuyên đề | 1 |  |  |
| **VII** | **CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ (VII = 1)** |  |
| 1 | Nêu rõ các cam kết của chủ Cơ sở về các nội dung: | Chuyên đề | 1 |  |  |
| - Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường |
| - Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan |
| - Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (rà soát, liệt kê đầy đủ trách nhiệm phải thực hiện) |
| **B** | **CHI PHÍ VIẾT, IN ẤN, NỘP BÁO CÁO VÀ CHI PHÍ THẨM ĐỊNH (B=1+2+3)** |  |
| 1 | In ấn, đóng cuốn bao gồm nộp thẩm định | Bản | 12 |  |  |
| 2 | Chi phí thuê xe thẩm định | Lần  | 1 |  |  |
| 3 | Lệ phí thẩm định | Lần  | 1 |  |  |
| 4 | Chi phí đoàn kiểm tra | Lần  | 1 |  |  |
| **C** | **CHI PHÍ SAU THẨM ĐỊNH (C=1+2)** |  |
| 1 | Chi phí ngày công chỉnh sửa | Ngày | 10 |  |  |
| 2 | Chi phí in ấn, đóng cuốn nộp phê duyệt | Bản | 6 |  |  |
| **D** | **TỔNG CHI PHÍ (D=A+B+C)** |  |
| *Bằng chữ:*  |